

Số: 942 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 12 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới giai đoạn 2018-2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của tỉnh Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới giai đoạn 2018-2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: CT, KH&ĐT, Ngoại giao;
- VP Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế kinh tế;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các CV; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH. (Tva)

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới giai đoạn 2018-2020**

*(Kèm theo Quyết định số: 942 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)*

### **I. MỤC TIÊU:**

- Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tái cơ cấu lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, trong đó trọng tâm là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu nền kinh tế; hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế, thực hiện hiệu quả các cam kết kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tiếp tục chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện tái cơ cấu một số ngành, lĩnh vực, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế; tiếp tục đẩy mạnh thu hút nguồn lực bên ngoài về vốn, khoa học công nghệ phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế phục vụ nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh quốc phòng.

- Góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình số 11-CTr/TU của Tỉnh ủy Cao Bằng về Phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 2016-2020.

### **II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:**

#### **1. Hoàn thiện pháp luật và thể chế kinh tế:**

a) Rà soát, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với văn bản mới của trung ương; ban hành các văn bản mới rõ ràng, cụ thể, đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh nhưng vẫn đảm bảo phù hợp quy định chung, các cam kết quốc tế.

b) Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến từng lĩnh vực, ngành nghề cụ thể trên các trang thông tin của tỉnh, các Sở,

Ngành, trong đó chú trọng vào các văn bản có liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế vào cơ sở dữ liệu của tỉnh.

c) Xây dựng và hoàn thiện các chương trình hành động, kế hoạch, đề án về hội nhập kinh tế quốc tế từ nay đến năm 2020. Định kỳ rà soát, cập nhật các chương trình, kế hoạch về công tác hội nhập kinh tế của tỉnh đảm bảo phù hợp với chỉ đạo chung của Chính phủ và hướng dẫn, định hướng cụ thể của Bộ Công Thương.

d) Đổi mới công tác quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo tinh gọn, hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương đáp ứng với yêu cầu phát triển.

## **2. Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, doanh nghiệp và sản phẩm:**

a) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp lớn để thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, công nghiệp sạch,... có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tăng thu ngân sách. Phấn đấu đến năm 2020 có 01 khu công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng đi vào hoạt động. Tập trung giải quyết tốt các công việc còn tồn đọng trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, quản lý các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp triển khai thực hiện theo đúng quy hoạch được phê duyệt, đặc biệt là các khu công nghiệp có điều kiện thuận lợi trong xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư như : Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các dự án tại cụm công nghiệp Trà Lĩnh; Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các dự án tại cụm công nghiệp Miền Đông I- Thị trấn Tà Lùng (Phục Hòa).

b) Triển khai có hiệu quả Đề án Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2017-2020; phấn đấu đưa Cao Bằng trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020, tỉnh Cao Bằng.

d) Thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính, chú trọng kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị đối với các tổ chức, người dân, doanh nghiệp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành quản lý; hàng năm có đánh kết quả chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

đ) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, công bố, công khai thủ tục hành chính kịp thời, đúng quy định; thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

của các sở, ban, ngành từ 20-30% trở lên trong tổng số thời gian giải quyết theo quy định.

e) Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa liên thông hiện đại (VNPT-iGate) tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo đúng quy trình, có hiệu quả. Rà soát, ban hành danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và triển khai thực hiện có hiệu quả.

g) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi thu hút đầu tư của tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, các dự án trọng điểm, các lĩnh vực mà địa phương chưa có nguồn thực hiện; bố trí nguồn ngân sách hợp lý phù hợp với địa phương để thực hiện đối ứng, thực hiện các chương trình dự án.

h) Tích cực triển khai các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận, xúc tiến đầu tư vào thị trường trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; tư vấn giúp các doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, hỗ trợ về vốn, đào tạo, tiếp cận thông tin, ứng dụng công nghệ mới, tìm kiếm thị trường; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các chính sách, chương trình hỗ trợ về vốn, đào tạo, tiếp cận thông tin, công nghệ và thị trường.

### **3. Phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường:**

a) Nghiên cứu, tổ chức thực hiện các chính sách, quy định để phát triển các loại thị trường trên địa bàn: Thị trường hàng hóa, dịch vụ; thị trường tiền tệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; thị trường đất đai, bất động sản, thị trường lao động; thị trường khoa học – công nghệ và phát triển dịch vụ công.

b) Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ; tập trung đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông; phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông; đầu tư hệ thống lưới điện, hệ thống chợ theo quy hoạch.

c) Các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật về giá, nhất là các mặt hàng thiết yếu; đấu tranh chống buôn lậu, buôn bán hàng nhập lậu, hàng cấm, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; chống các hành vi đầu cơ, lũng đoạn thị trường, gian lận thương mại của các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ tăng giá, thao túng thị trường, vi phạm pháp luật cạnh tranh nhằm đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

d) Khuyến khích thành lập các hiệp hội, hội nghề nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, xúc tiến thị trường trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; tư vấn giúp các doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, ứng dụng công nghệ mới, tìm kiếm thị trường.

đ) Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia và lồng ghép các nguồn vốn, bảo đảm hiệu quả đầu tư và quản lý sử dụng sau đầu tư; Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích đầu tư cho sáng tạo, phát triển đổi mới công nghệ. Khuyến khích phát triển các dịch vụ thiết kế, đo lường, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ theo hướng xã hội hóa.

g) Phát triển các sản phẩm có thể mạnh, xây dựng thương hiệu và bảo hộ sản phẩm, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

#### **4. Thúc đẩy các hoạt động đối ngoại với các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc)**

a) Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị, hiệu quả thiết thực giữa tỉnh Cao Bằng và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây Trung Quốc, với các tỉnh, thành phố khác của Trung Quốc thông qua việc thúc đẩy đầu tư, thương mại giữa hai bên; tăng cường các chuyến thăm, làm việc, trao đổi đoàn cấp cao, đẩy mạnh hợp tác về kinh tế, giáo dục, y tế, an ninh, bảo vệ biên giới; triển khai hiệu quả Hiệp định Hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đứơc Thiên (Trung Quốc).

b) Mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác với các địa phương một số nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các thể chế tài chính, các tập đoàn lớn của các nước trên thế giới. Tăng cường quan hệ với Đại sứ quán các nước; duy trì, mở rộng quan hệ với cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế đã có quan hệ với địa phương. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các tỉnh, thành phố nước ngoài có nhiều điểm tương đồng với tỉnh và có tiềm năng lợi thế trong việc hợp tác phát triển kinh tế.

c) Chủ động, tích cực đàm phán, ký kết và triển khai hiệu quả, thực chất các thỏa thuận hợp tác đã ký với các địa phương, đối tác nước ngoài.

#### **5. Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong đó tập trung cho các xã về đích giai đoạn 2016-2020 và xóa bỏ không còn các xã dưới 5 tiêu chí;

b) Tiến hành tổng kết, đánh giá các mô hình khuyến nông, mô hình bảo vệ và phát triển rừng, mô hình chăn nuôi tập trung;

c) Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn;

d) Triển khai và xây dựng các đề án, dự án phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có thị trường tiêu thụ, phát triển sản xuất với quy mô hợp lý, bền vững; hỗ trợ khuyến khích ứng dụng các loại giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt, tăng cường công tác khuyến nông trên cả 3 cấp: tỉnh, huyện và xã;

đ) Tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá, tiềm năng thế mạnh và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa nông sản có lợi thế của tỉnh có khả

năng xuất khẩu để có định hướng phát triển, chính sách hỗ trợ phù hợp, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

## **6. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh quốc phòng:**

a) Tiếp tục cụ thể hóa các cơ chế chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, có các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án đầu tư. Đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường, xử lý triệt để các khu vực môi trường bị ô nhiễm. Xử lý nghiêm các doanh nghiệp, cá nhân vi phạm các quy định về xử lý rác thải, chất thải. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất của các doanh nghiệp; kiên quyết thu hồi đất của các dự án chậm triển khai thực hiện hoặc quá thời hạn đầu tư nhưng không triển khai thực hiện.

b) Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Hạn chế khai thác, chế biến thô sơ gây lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường; Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng bảo đảm yêu cầu phát triển hiệu quả, bền vững, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái

c) Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ việc làm, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm, thông tin thị trường lao động để giúp người lao động tìm kiếm việc làm.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả và đồng bộ Chỉ thị 1326/CT-TTg ngày 27/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện 03 Văn kiện pháp lý về biên giới và các biên bản phiên họp Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

## **7. Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực:**

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án đẩy mạnh thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức. Trong đó tập trung vào việc tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp; thực hiện bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, phê chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức thực hiện đánh giá công chức hàng năm đảm bảo đúng quy định; thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

b) Áp dụng phần mềm tin học trong thi tuyển và thi nâng ngạch đảm bảo nguyên tắc khách quan, công bằng, chất lượng, thực tài; đến năm 2020, đội ngũ CBCCVC của tỉnh đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt

động công vụ. Thực hiện tốt chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích CBCCVC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

d) Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển đội ngũ trí thức tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020; đẩy mạnh thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 14/9/2016 của Tỉnh ủy về “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ giai đoạn 2016-2020”;

đ) Nâng cao trách nhiệm, chất lượng tham mưu, đề xuất, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của CBCCVC. Xây dựng đội ngũ CBCCVC có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân.

### **8. Củng cố, tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế:**

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về luật pháp quốc tế của các ngành, các cấp để tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại. Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành và đơn vị trong tỉnh, giữa các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong việc triển khai chủ trương và chính sách của Đảng, Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế. Giải quyết nhanh, chính xác, kịp thời, hiệu quả các vụ việc có yếu tố nước ngoài theo đúng pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

b) Tham gia hiệu quả các hoạt động hội nhập theo chỉ đạo của Chính phủ; tiếp tục thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và huy động các nguồn tài chính quốc tế cho các lĩnh vực ưu tiên. Xây dựng các định hướng, chiến lược, kế hoạch hợp tác quốc tế gắn với các chiến lược phát triển nhằm cụ thể hóa từng bước các mục tiêu phát triển và hội nhập.

c) Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực cơ quan đầu mối về công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh nhằm đảm bảo cho công tác hội nhập được triển khai thống nhất, xuyên suốt gắn kết chặt chẽ với hội nhập quốc tế trên tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình hành động, đề án phát triển kinh tế... để phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả nền kinh tế trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

đ) Chú trọng việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình về hội nhập kinh tế quốc tế để kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh và đề xuất phương hướng giải quyết.

### **9. Về công tác thông tin tuyên truyền:**

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, công chức và nhân dân Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4

Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X và Chương trình hành động của tỉnh về chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới trên các phương tiện thông tin tuyên truyền như: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Cao Bằng, cổng thông tin điện tử của các sở, ngành; các huyện, thành phố.

b) Xây dựng cơ chế phối hợp, hệ thống cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế giữa bộ, ngành với địa phương và với các địa phương khác, giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhằm bảo đảm việc chia sẻ thông tin, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân dễ tiếp cận và nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hội nhập trong nước và quốc tế.

c) Xây dựng chuyên mục và các chương trình chuyên sâu về hội nhập kinh tế quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường và đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế cho các địa phương và doanh nghiệp. Tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho các cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị mình, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch hàng năm. Đối với các nhiệm vụ không phải triển khai theo đề án, chương trình, cần tổ chức triển khai ngay để đảm bảo thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; *trước ngày 15/12 hàng năm* báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện (qua Sở Công Thương để tổng hợp). Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động, nếu có những phát sinh trong quá trình thực hiện các sở, ban, ngành, địa phương chủ động báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Giao Sở Công Thương- Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế của tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình hành động. /

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ CÔNG VIỆC CỤ THỂ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2018-2020**  
*(theo Quyết định số: 942/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động của tỉnh Cao Bằng thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo trình UBND tỉnh	Hàng năm
2	Triển khai các Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và địa phương; Chương trình Khuyến công quốc gia và địa phương; Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
3	Triển khai Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
4	Tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
5	Triển khai Đề án “Tìm kiếm thị trường tiêu thụ nội địa và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa của Cao Bằng, đặc biệt là các sản phẩm từ lĩnh vực nông, lâm nghiệp giai đoạn 2017-2020”	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
6	Triển khai thực hiện Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	Thực hiện	Hàng năm
7	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong khuôn khổ WTO, ASEAN và các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đã ký kết	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
8	Đề án xây dựng khu hợp tác kinh tế qua biên giới Trà Lĩnh (Việt Nam) – Long Bang (Trung Quốc)	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2018-2019
9	Xây dựng dự thảo khung chính sách khu hợp tác kinh tế qua biên giới Trà Lĩnh (Việt Nam) – Long Bang (Trung Quốc)	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2020
10	Xây dựng Đề án “Cơ chế chính sách đặc thù phát triển khu du lịch Thác Bản Giốc”.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND huyện Trùng Khánh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2018
11	Rà soát cơ chế chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu của hội nhập; chủ động nghiên cứu, đề xuất các biện pháp tăng cường liên kết giữa các địa phương nhằm phát huy, bổ sung các lợi thế về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực; thực hiện tốt các chương trình đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2018-2020
12	Báo cáo tổng kết đánh giá chung về tác động tới kinh tế - xã hội của tỉnh sau 10 năm Việt Nam gia nhập WTO	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2018
13	Báo cáo tổng kết, đánh giá tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
14	Chủ động, tích cực thực hiện các biện pháp thúc đẩy quan hệ hợp tác của tỉnh với các đối tác nước ngoài; tham gia các chương trình hợp tác, tiếp tục đề xuất việc đàm phán, ký kết và triển khai hiệu quả, thực chất các thỏa thuận hợp tác đã ký với các địa phương, đối tác nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
15	Tổ chức các sự kiện đối ngoại trong và ngoài nước nhằm quảng bá, giới thiệu hình ảnh Cao Bằng tới các đối tác, các tổ chức trong nước và quốc tế; tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại của địa phương	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
16	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường tại khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu dân cư đô thị, lưu vực sông; cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu qua các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
17	Phát triển công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; khuyến khích xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm tăng cường thực thi trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trên tinh thần hội nhập để phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
18	Thực hiện đề án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) – vay vốn WB; Đầu tư hạ tầng khai thác hiệu quả quỹ đất Khu đô thị mới (trọng tâm là 2 bên đường phía Nam), thành phố Cao Bằng giai đoạn 2016-2020; Đề án thu ngân sách từ đất đai giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2018-2020
19	Thực hiện, hoàn thành Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính khu thành phố Cao Bằng; Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Nguyên Bình, Hà Quảng; Dự án xác định ranh giới, cắm mốc, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Công ty TNHH Lâm nghiệp Cao Bằng; Dự án điều tra thoái hóa đất kỹ đầu tỉnh Cao Bằng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Dự án trình UBND tỉnh	2018-2020
20	Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của các đơn vị, sở, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; kiểm tra CCHC thường xuyên, trong đó chú trọng kiểm tra việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị đối với các tổ chức, người dân, doanh nghiệp; thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
21	Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện giải quyết TTHC trên Phần mềm một cửa liên thông hiện đại (VNPT-iGate) tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo đúng quy trình, có hiệu quả	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
22	Thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án đẩy mạnh thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
23	Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển đội ngũ trí thức tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020; Trong đó, đẩy mạnh thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 14/9/2016 của Tỉnh ủy về “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ giai đoạn 2016-2020”	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
24	Kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Hàng năm
25	Xây dựng đề án phát triển chăn nuôi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2018-2020; đề án phát triển cây ăn quả đoạn 2018-2020; đề án phát triển sản xuất rau an toàn tập trung theo quy trình VietGAP giai đoạn 2017-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	2018
26	Xây dựng Quy hoạch và chiến lược bảo tồn và phát triển ngành nghề tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2018-2020; đề án “Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020”; Kế hoạch “Chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm cấp tỉnh”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	2018

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
27	Thực hiện Đề án Nghiên cứu một số mô hình phát triển kinh tế rừng gắn với trồng rừng và bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2020; đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn” giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
28	Kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; đẩy mạnh việc lấy ý kiến của doanh nghiệp đối với các dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp; cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các văn bản Quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Các Nghị quyết HĐND, Quyết định của UBND	Hàng năm
29	Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề, lập nghiệp; đẩy mạnh thông tin về hiệu quả hoạt động dạy nghề, kết quả đào tạo nghề. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy nghề, nhất là cho lao động ở nông thôn.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và đào tạo	Chương trình, kế hoạch	2018-2020
30	Tham mưu thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	2018-2020

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
31	Tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh Cao Bằng (Ban chỉ đạo 389)	Văn phòng Ban chỉ đạo (Chi cục Quản lý thị trường)	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
32	Triển khai kết nối Cơ chế một cửa ASEAN theo lộ trình của Tổng cục Hải quan để thực hiện trao đổi và công nhận lẫn nhau về các chứng từ thương mại được cấp dưới dạng điện tử với các nước ASEAN	Hải quan tỉnh	Các đơn vị trực thuộc	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
33	Tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp để trả lời các vướng mắc về thủ tục hải quan cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Hải quan tỉnh	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
34	Xây dựng địa điểm kiểm tra tập trung tại cảng cạn thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh, địa điểm kiểm tra giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại biên giới phù hợp với tình hình thực tế hoạt động xuất nhập khẩu	Hải quan tỉnh	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2018 - 2020
35	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP. Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Ban chỉ đạo hội nhập quốc tế tỉnh Cao Bằng (Sở Công Thương – cơ quan giúp việc Ban chỉ đạo về kinh tế)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Công Thương	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
36	Tổ chức các Chương trình xúc tiến thương mại tìm đầu ra cho sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản của địa phương	UBND các huyện, thành phố	Sở Công Thương, các đơn vị liên quan; các xã, phường, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ, Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
37	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch của huyện, thành phố phù hợp với quy hoạch của tỉnh.	UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành, các xã, phường, thị trấn	Quyết định	Hàng năm
38	Rà soát, tổng hợp về nhu cầu đào tạo, cử cán bộ làm công tác liên quan đến hội nhập quốc tế về kinh tế tham gia các chương trình đào tạo, lớp tập huấn do các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh tổ chức nhằm phục vụ cho quá trình hội nhập	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm